



**THỰC HỌC – THỰC NGHIỆP**

# **LẬP TRÌNH JAVASCRIPT**

## **BASIC JAVASCRIPT**

# Hệ thống bài cũ

---

- Biến và khai báo biến
- Các kiểu dữ liệu
- Ép kiểu
- Operators
- Công cụ gỡ lỗi

# MỤC TIÊU BÀI HỌC

---

- Cấu trúc điều khiển
- Hàm



# PHẦN I

---

## Cấu trúc điều khiển

# Các lệnh logic

---

- if và if else
- else if
- Toán tử bậc 3 có điều kiện
- switch

# Logic Statements (Lệnh logic)

---

- Cú pháp

```
if(expression){  
    //code here  
}
```

- Ví dụ

```
var x = 3; var y = 4;  
if (x == y) {  
    //Thực hiện  
}
```

# Logic Statements (Lệnh logic)

---

- Cú pháp 

```
if(expression){  
    //code here  
} else {  
    //code here  
}
```

- Ví dụ

```
let rain = true;  
if(rain){  
    console.log("** Taking my umbrella when I need to go outside **");  
} else {  
    console.log("** I can leave my umbrella at home **");  
}
```

# Logic Statements (Lệnh logic)

---

- Cú pháp

```
if (expression){  
    //code here  
}  
else if (expression) {  
    //code here  
}  
else if (expression){  
    //code here  
}  
else {  
    //code here  
}
```

- Ví dụ

```
if(age < 3){  
    console.log("Access is free  
under three.");  
}  
else if(age < 12) {  
    console.log("the fee is 5  
dollars");  
}  
else if(age < 65) {  
    console.log("A regular ticket  
costs 10 dollars.");  
}  
else if(age >= 65) {  
    console.log("A ticket is 7  
dollars.");  
}
```



# Conditional ternary operators (Toán tử bậc ba có điều kiện)

- Cú pháp

operand1 ? operand2 : operand3;

expression ? statement for **true** : statement associated  
with **false**;

- Ví dụ

```
let access = age < 18 ? "denied" : "allowed";
```

# Switch statement (lệnh switch)

---

- Cú pháp

```
switch(expression) {  
    case value1:  
        // code to be executed  
        break;  
    case value2:  
        // code to be executed  
        break;  
    case value-n:  
        // code to be executed  
        break;  
}
```

- Ví dụ

```
switch(activity) {  
    case "Get up":  
        console.log("It is 6:30AM");  
        break;  
    case "Breakfast":  
        console.log("It is 7:00AM");  
        break;  
    case "Drive to work":  
        console.log("It is 8:00AM");  
        break;  
}
```

# Switch statement (lệnh switch)

- Cú pháp

```
switch(expression) {  
    case value1:  
        // code to be executed  
        break;  
    case value2:  
        // code to be executed  
        break;  
    case value-n:  
        // code to be executed  
        break;  
    default:  
        // when no cases match  
        break;  
}
```

- Ví dụ

```
switch(activity) {  
    case "Get up":  
        console.log("It is 6:30AM");  
        break;  
    case "Breakfast":  
        console.log("It is 7:00AM");  
        break;  
    case "Drive to work":  
        console.log("It is 8:00AM");  
        break;  
    default:  
        console.log("I cannot determine the  
current time.");  
        break;  
}
```

# Loops (vòng lặp)

---

- Break, continue
- Lệnh lặp không biết trước số lần lặp
  - while
  - do while
- Lệnh lặp biết trước số lần lặp
  - For
  - For of
  - For in ( học ở phần object)

# While loops

---

- Cú pháp

```
while (condition) {  
    // code that gets executed as  
    //long as the condition is true  
}
```

- Ví dụ

```
let i = 0;  
while (i < 10) {  
    console.log(i);  
    i++;  
}
```

# Do while loops

---

- Cú pháp

```
do {  
    // code to be executed if the condition is true  
} while (condition);
```

- Ví dụ

```
do {  
    number = prompt("Please enter a number between 0 and  
100: ");  
} while (!(number >= 0 && number < 100));
```

# For loops

---

- Cú pháp

```
for (initialize variable; condition; statement)
{
    // code to be executed
}
```

- Ví dụ

```
for (let i = 0; i < 10; i++)
{
    console.log(i);
}
```

## Sơ đồ hoạt động của vòng lặp for

1. Cài đặt biến  $i=0$
2. Kiểm tra điều kiện  $i<10$
3. Nếu điều kiện là đúng, thực thi khối lệnh. Nếu điều kiện sai, vòng lặp kết thúc tại đây
4. Thực hiện câu lệnh  $i++$
5. Trở lại bước 2

# Vòng lặp và mảng

---

- Cú pháp

```
let arr = [some array];  
for (initialize variable; variable smaller than arr.length; statement) {  
    // code to be executed  
}
```

- Ví dụ

```
let names = ["Chantal", "John", "Maxime", "Bobbi", "Jair"];  
for (let i = 0; i < names.length; i++){  
    console.log(names[i]);  
}
```



# Vòng lặp for of

---

- Cú pháp 

```
let arr = [some array];  
for (let variableName of arr) {  
    // code to be executed  
    // value of variableName gets updated every iteration  
    // all values of the array will be variableName once  
}
```

- Ví dụ

```
let names = ["Chantal", "John", "Maxime", "Bobbi", "Jair"];  
for (let name of names) {  
    console.log(name);  
}
```

# Lệnh break, continue

---

- Dùng để kiểm soát sơ đồ thực thi vòng lặp.
- Break: dừng vòng lặp và di chuyển sang mã bên dưới vòng lặp
- Continue: dừng vòng lặp và quay lại đầu vòng lặp, kiểm tra điều kiện (continue trong for: thực hiện câu lệnh và sau đó kiểm tra điều kiện)

```
for (let i = 0; i < 10; i++) {  
    console.log(i);  
    if (i === 4) {  
        break;  
    }  
}
```

```
let i = 1;  
while (i < 50) {  
    if (i % 2 === 0) {  
        continue;  
    }  
    console.log(i);  
    i++;  
}
```



# PHẦN II

---

## Hàm

# Hàm và xử lý sự kiện

---

- Hàm (function)
- Phạm vi biến (variable scope)
- Xử lý sự kiện (event)

# Hàm (function)

---

- Hàm: để thực hiện một chức năng cụ thể
- Cú pháp:
  - Hàm cơ bản
  - Hàm có tham số
  - Hàm trả về giá trị

# Hàm (function)

---

- Hàm cơ bản

- Hàm xây dựng sẵn: `prompt()`, `console.log()`, `push()`, `sort()`,...
- Hàm tự xây dựng

```
function nameOfTheFunction() {  
    //content of the function  
}
```

- Gọi hàm `nameOfTheFunction()`;

- Ví dụ 

```
function sayHello() {  
    let you = prompt("What's your name? ");  
    console.log("Hello", you + "!!");  
}  
sayHello();
```

# Hàm (function)

---

- Hàm có tham số
  - Cú pháp

```
function myFunc(param1, param2) {  
    // code of the function;  
}
```

- Ví dụ

```
function addTwoNumbers(x, y) {  
    console.log(x + y);  
}  
addTwoNumber(5, 5);
```

# Hàm (function)

---

- Hàm có tham số

```
function tester(para1, para2){  
    console.log(para1 + " " + para2);  
}  
const arg1 = "argument 1";  
const arg2 = "argument 2";  
tester(arg1, arg2);
```



# Hàm (function)

---

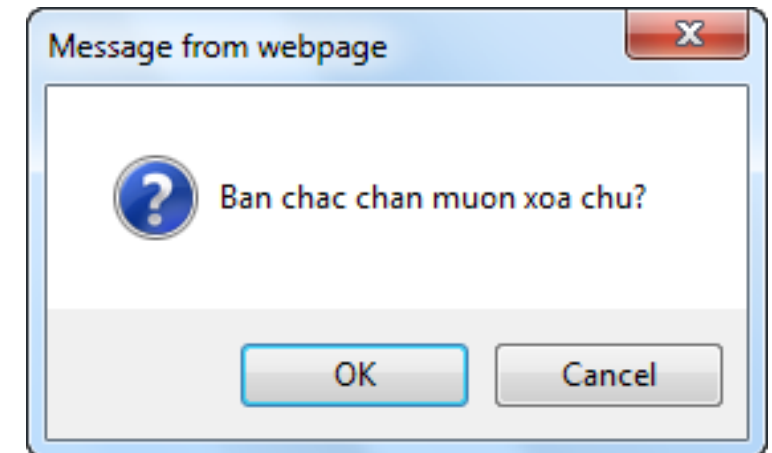
- Hàm trả về kết quả

```
function tester(para1, para2){  
    return para1 + " " + para2;  
}  
const arg1 = "argument 1";  
const arg2 = "argument 2";  
let t = tester(arg1, arg2);
```

# Hàm (function)

- `confirm()`: là hộp thoại nhận hồi đáp từ phía người dùng
  - Lời gọi hàm: `confirm(<thông điệp>);`
  - Hàm trả về hồi đáp của người dùng
    - Trả về `True` nếu người dùng nhấn vào `OK`
    - Trả về `False` nếu người dùng nhấn vào `Cancel`

```
var ok = confirm("Ban chac chan muon xoa chu?");  
if(ok == true){  
    doSometing();  
}  
else{  
    doAnythingElse();  
}
```



# Hàm (function)

---

- Ví dụ về: Confirm()

```
function xacNhan(traloi) {  
    var ketQua = "";  
    if (traloi) {  
        ketQua = "Tuyệt vời. Chúc bạn chiến thắng!";  
    } else {  
        ketQua = "Hèn gap lại bạn nhé!";  
    }  
    return ketQua;  
}  
var traloi = confirm("Bạn sẽ chơi game chưa?");  
var thôngbao = xacNhan(traloi);  
alert (thôngbao);
```

# Phạm vi biến

---

- Biến cục bộ (local variable)
  - Biến được khai báo trong hàm
  - Chỉ được tham chiếu đến trong phạm vi khai báo
- Biến toàn cục (global variable)
  - Biến được khai báo ngoài hàm
  - Có thể tham chiếu đến từ bất cứ đâu

# Phạm vi biến

---

- Biến cục bộ (local variable)

```
function testAvailability() {  
    let y = "I'll return";  
    console.log("Available here:", y);  
    return y;  
}  
let z = testAvailability();  
console.log("Outside the function:", z);  
console.log("Not available here:", y);
```

# Phạm vi biến

---

- Biến cục bộ (local variable) với `let` và `var`

```
function doingStuff() {  
  if (true) {  
    var x = "local";  
  }  
  console.log(x);  
}  
doingStuff();  
//result: local
```

```
function doingStuff() {  
  if (true) {  
    let x = "local";  
  }  
  console.log(x);  
}  
doingStuff();  
//result: ReferenceError: x is not  
defined
```

# Phạm vi biến

---

- Biến toàn cục (global variable)

```
let globalVar = "Accessible everywhere!";
console.log("Outside function:", globalVar);
function creatingNewScope(x) {
    console.log("Access to global vars inside function." , globalVar);
}
creatingNewScope("some parameter");
console.log("Still available:", globalVar);

//Outside function: Accessible everywhere!
//Access to global vars inside function. Accessible everywhere!
//Still available: Accessible everywhere!
```

# Xử lý sự kiện (events)

---

- Events là những thứ/những điều xảy ra trên một trang web
- Ví dụ: nhấp chuột (click) vào cái gì đó, di chuyển chuột qua (mouse over) một phần tử (element),...
- Tất cả các element trên trang web đều có một tập các sự kiện tương ứng.
- ***Một phần tử chỉ có 1 trình xử lý sự kiện (event handler) làm thuộc tính. Nếu phần tử có xử lý sự kiện onclick thì không thể có onmouseover***



# Xử lý sự kiện (events)

---

- Một số sự kiện
  - onClick: được kích hoạt khi nhấn chuột vào một element
  - onLoad và onUnload: được kích hoạt khi người dùng vào hoặc thoát khỏi trang web
- Click vào bất kỳ đâu trên trang web

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
  <title>Page Title</title>
</head>
  <body onclick="alert('Hi Event!')"></body>
</html>
```

Sự kiện

Xử lý sự kiện

# Xử lý sự kiện (events)

---

- Có thể thêm nhiều dòng lệnh

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<title>Page Title</title>
</head>
<body onclick="alert('Hi Event!');alert('Hello Event');"></body>
</html>
```

Sự kiện

Xử lý sự kiện

***Trong trường hợp xử lý phức tạp cho sự kiện????***

# Xử lý sự kiện (events)

---

- Sử dụng hàm để thực hiện các xử lý cho sự kiện

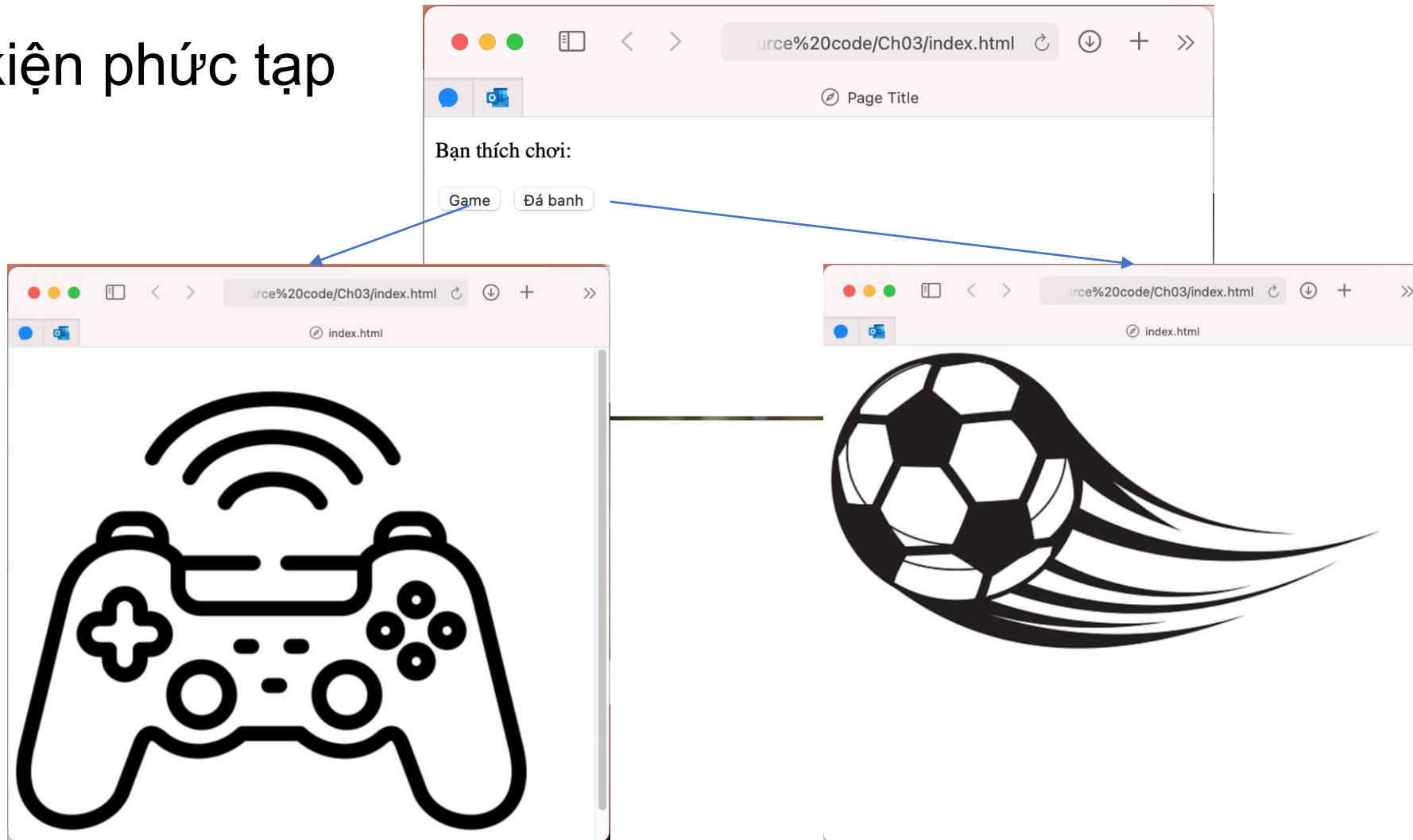
```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
  <title>Page Title</title>
  <script src="chapter3.js" type="text/javascript"></script>
  <script type="text/javascript">
    function sayHi(){
      alert("Hi Event");
      alert("Hello Event");
    }
  </script>
</head>
<body>

  <button onclick="sayHi()">Add a number</button>

</body>
</html>
```

# Xử lý sự kiện (events)

- Sự kiện phức tạp



# Xử lý sự kiện (events)

---

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<script type="text/javascript">
function hienThiAnh(dovat) {
    if (dovat == "game") {
        document.write("<img src = 'game.png'>");
    } else {
        document.write("<img src = 'football.jpg'>");
    }
}
</script>
</head>
<body>
    <p> Bạn thích chơi:</p>
    <input type="button" value="Game" onclick="hienThiAnh('game');"/>
    <input type="button" value="Đá banh" onclick="hienThiAnh('football');"/>
</body>
</html>
```

# TỔNG KẾT

---

- Lệnh logic: if, if else, if elseif
- Toán tử bậc 3 có điều kiện
- Lệnh switch
- Lặp: while, do while, for, for of, for in
- Hàm thực hiện một chức năng cụ thể. Hàm có thể trả về giá trị hoặc không trả về giá trị.
- Biến có phạm vi cục bộ và toàn cục

# TỔNG KẾT

---

- Hàm confirm là hàm được xây dựng sẵn dùng để lấy thông tin hồi đáp từ người dùng
- Javascript cung cấp sự kiện cho các element của trang web. Mỗi element có một tập các sự kiện khác nhau

*Thank  
you!*